

Chủ quyền văn hóa số trong cạnh tranh nền tảng xuyên biên giới: Tiếp cận từ Nghị quyết số 80 - NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam

Digital cultural sovereignty in competition among cross-border platforms: An approach from Resolution No. 80-NQ/TW on the development of Vietnamese culture

TS. NGUYỄN DUY LONG

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: tsnguyenduylong@gmail.com

Ngày nhận bài: 6/3/2026

Ngày phản biện: 25/3/2026

Ngày chấp nhận đăng: 20/6/2026

Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Lý luận chính trị.

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa truyền thông, các nền tảng số xuyên biên giới đang tái cấu trúc quyền lực truyền thông và không gian văn hóa quốc gia. Bài viết phân tích khái niệm chủ quyền văn hóa số trong mối quan hệ với cạnh tranh nền tảng toàn cầu, trên cơ sở định hướng từ Nghị quyết số 80 - NQ/TW và các tiếp cận lý luận về quyền lực mềm (Nye, 2004) và xã hội mạng (Castells, 2010). Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu và phân tích nội dung chính sách. Kết quả cho thấy chủ quyền văn hóa số là một cấu trúc quyền lực đa chiều, bao gồm quản trị nền tảng, chủ quyền dữ liệu và năng lực công nghiệp văn hóa số, qua đó góp phần bảo vệ an ninh văn hóa và nâng cao sức mạnh mềm quốc gia.

Từ khóa: chủ quyền văn hóa số; nền tảng xuyên biên giới; truyền thông chính sách; sức mạnh mềm.

Abstract: In the context of digital transformation and media globalization, cross-border digital platforms are restructuring media power and national cultural spaces. The article analyzes the concept of digital cultural sovereignty in relation to global platform competition, drawing upon the orientations of Resolution No. 80-NQ/TW and theoretical approaches to soft power (Nye, 2004) and the network society (Castells, 2010). The study employs document analysis and policy content analysis methods. The findings indicate that digital cultural sovereignty is a multidimensional power structure including platform governance, data sovereignty, and digital cultural industry capacity, thereby contributing to the protection of cultural security and the enhancement of national soft power.

Keywords: digital cultural sovereignty; cross-border platforms; policy communication; soft power.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa truyền thông đang diễn ra mạnh mẽ, sự phát triển của các nền tảng truyền thông số xuyên biên giới đã làm thay đổi sâu sắc cấu trúc vận hành của không gian văn hóa và hệ thống truyền thông quốc gia. Các nền tảng mạng xã hội, dịch vụ chia sẻ video và hệ sinh thái nội dung số không chỉ đóng vai trò là công cụ truyền tải thông tin mà còn trở thành những thiết chế trung gian có khả năng chi phối dòng chảy

thông tin, định hình thị hiếu văn hóa và ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành dư luận xã hội. Trong môi trường truyền thông số, quyền lực truyền thông không còn chủ yếu thuộc về các thiết chế truyền thông truyền thống như báo chí, phát thanh hay truyền hình, mà ngày càng gắn với các nền tảng công nghệ nắm giữ hạ tầng phân phối nội dung, dữ liệu người dùng và cơ chế thuật toán. Do đó, không gian văn hóa của mỗi quốc gia ngày càng chịu tác động mạnh mẽ từ cấu trúc vận hành của hệ thống truyền

thông số toàn cầu.

Từ góc độ lý luận, nhiều nghiên cứu cho rằng sự phát triển của công nghệ số đang thúc đẩy quá trình hình thành xã hội mạng lưới, trong đó các quan hệ quyền lực được tổ chức thông qua các hệ thống kết nối và các dòng chảy thông tin trong mạng lưới truyền thông toàn cầu. Theo Manuel Castells, xã hội hiện đại vận hành theo mô hình mạng lưới, nơi quyền lực ngày càng phụ thuộc vào khả năng kiểm soát và điều phối các dòng chảy thông tin (Castells, 2010). Trong bối cảnh đó, các nền tảng công nghệ số trở thành những “nút quyền lực” quan trọng khi nắm giữ khả năng kiểm soát thuật toán, dữ liệu người dùng và cơ chế phân phối nội dung. Thông qua các cơ chế này, các nền tảng có thể tác động trực tiếp đến mức độ lan tỏa của thông tin cũng như cách thức hình thành dư luận xã hội. Điều này khiến cho không gian văn hóa quốc gia ngày càng gắn chặt với các hệ sinh thái truyền thông toàn cầu.

Song song với sự biến đổi của cấu trúc truyền thông, toàn cầu hóa văn hóa và sự phát triển của công nghệ số cũng làm gia tăng vai trò của văn hóa trong quan hệ quốc tế. Theo Joseph S. Nye Jr., văn hóa là một trong những nguồn lực quan trọng tạo nên quyền lực mềm của quốc gia thông qua khả năng tạo ra sức hấp dẫn về giá trị, lối sống và mô hình phát triển (Nye, 2004). Trong kỷ nguyên truyền thông số, quyền lực mềm không chỉ được lan tỏa thông qua các thiết chế văn hóa truyền thống như nghệ thuật, điện ảnh hay giáo dục, mà còn thông qua các nền tảng truyền thông số và các sản phẩm văn hóa trực tuyến. Vì vậy, năng lực sản xuất và lan tỏa nội dung văn hóa trên các nền tảng số ngày càng trở thành yếu tố quan trọng quyết định vị thế và ảnh hưởng của quốc gia trong môi trường truyền thông toàn cầu.

Đối với Việt Nam, văn hóa luôn được xác định là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển. Quan điểm này được khẳng định nhất quán trong các văn kiện của Đảng, đặc biệt trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng. Trong giai đoạn phát triển mới, yêu cầu bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ngày càng gắn chặt với nhiệm vụ quản trị không gian truyền thông số và nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm văn hóa trong môi trường toàn cầu hóa. Những định hướng này được thể hiện rõ trong Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên mới, trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; phát huy sức mạnh mềm văn hóa và bảo đảm an ninh văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế

(Bộ Chính trị, 2026).

Một nội dung đáng chú ý của số Nghị quyết 80 là yêu cầu chủ động thích ứng với quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, phát triển các nền tảng văn hóa số và tăng cường năng lực quản trị không gian văn hóa trên môi trường mạng. Đồng thời, Nghị quyết cũng nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trên không gian mạng, phát triển công nghiệp văn hóa và nâng cao sức mạnh mềm quốc gia. Những định hướng này cho thấy việc bảo vệ và phát triển văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay không thể tách rời khỏi quá trình quản trị hệ sinh thái truyền thông số và sự cạnh tranh giữa các nền tảng xuyên biên giới.

Trong bối cảnh đó, khái niệm “chủ quyền văn hóa số” ngày càng được quan tâm trong các nghiên cứu về truyền thông và quản trị không gian mạng. Có thể hiểu chủ quyền văn hóa số là năng lực của một quốc gia trong việc bảo vệ, duy trì và phát triển hệ giá trị văn hóa của mình trong môi trường truyền thông số, đồng thời bảo đảm khả năng kiểm soát và định hướng các dòng chảy thông tin có ảnh hưởng đến đời sống văn hóa - xã hội. Khái niệm này không chỉ liên quan đến quản lý nội dung văn hóa trên không gian mạng mà còn gắn với các yếu tố như quản trị nền tảng, chủ quyền dữ liệu, phát triển công nghiệp văn hóa số và năng lực kiến tạo diễn ngôn trong xã hội mạng lưới.

Mặc dù khái niệm chủ quyền văn hóa số chưa được nêu trực tiếp trong các văn kiện chính thức của Đảng, song nhiều định hướng quan trọng trong Nghị quyết số 80 - NQ/TW đã hàm chứa yêu cầu tăng cường năng lực tự chủ văn hóa trong môi trường số, thông qua việc phát triển công nghiệp văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trên không gian mạng và nâng cao sức mạnh mềm quốc gia (Bộ Chính trị, 2026). Điều này cho thấy việc bảo vệ chủ quyền văn hóa trong kỷ nguyên số không chỉ là vấn đề quản lý nội dung mà còn là vấn đề năng lực quản trị hệ sinh thái truyền thông và nền tảng số.

Từ cách tiếp cận này, bài viết tập trung trả lời ba câu hỏi nghiên cứu chính:

(1) Chủ quyền văn hóa số cần được hiểu như thế nào trong bối cảnh cạnh tranh nền tảng xuyên biên giới hiện nay?

(2) Những thách thức chủ yếu đối với không gian văn hóa Việt Nam từ cơ chế vận hành của các nền tảng truyền thông số toàn cầu là gì?

(3) Truyền thông chính sách cần được định hướng ra sao để góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển văn hóa theo tinh thần Nghị quyết số 80 -NQ/TW?

Trên cơ sở đó, bài viết cho rằng “chủ quyền văn hóa số” có thể được hiểu như một cấu trúc quyền lực đa tầng, bao gồm năng lực thể chế, năng lực dữ liệu, năng lực phát triển công nghiệp văn hóa số và năng lực kiến tạo diễn ngôn trong không gian truyền thông mạng lưới. Việc củng cố các yếu tố này không chỉ góp phần bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc mà còn tạo điều kiện phát huy sức mạnh mềm của Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gia tăng trong môi trường truyền thông toàn cầu.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai trên cơ sở tiếp cận liên ngành giữa lý luận chính trị, nghiên cứu truyền thông và nghiên cứu quản trị nền tảng số. Cách tiếp cận này cho phép phân tích vấn đề chủ quyền văn hóa số trong mối quan hệ giữa quyền lực chính trị, quyền lực công nghệ và quyền lực truyền thông trong xã hội mạng. Về khung lý thuyết, nghiên cứu vận dụng hai hướng tiếp cận chính:

Thứ nhất là lý thuyết quyền lực mềm của Nye (2004), theo đó văn hóa được xem là một nguồn lực quan trọng tạo nên sức hấp dẫn và ảnh hưởng của quốc gia trong quan hệ quốc tế. Trong bối cảnh truyền thông số, khả năng lan tỏa các giá trị văn hóa ngày càng phụ thuộc vào hệ sinh thái nền tảng và năng lực sản xuất nội dung số.

Thứ hai là lý thuyết xã hội mạng của Castells (2010), cho rằng quyền lực trong xã hội hiện đại được xác lập thông qua khả năng kiểm soát dòng chảy thông tin trong các mạng lưới truyền thông. Các nền tảng công nghệ toàn cầu, với vai trò trung tâm của hệ sinh thái dữ liệu và thuật toán, trở thành những “nút quyền lực” có khả năng định hình cấu trúc truyền thông và diễn ngôn xã hội.

Trên cơ sở hai khung lý thuyết này, nghiên cứu sử dụng ba phương pháp chủ yếu: phân tích tài liệu, phân tích nội dung chính sách và so sánh lý luận. Phương pháp phân tích tài liệu được sử dụng để tổng hợp các nghiên cứu về truyền thông số và quản trị nền tảng. Phương pháp phân tích nội dung chính sách được áp dụng để nghiên cứu các văn kiện của Đảng và Nhà nước liên quan đến phát triển văn hóa và chuyển đổi số, đặc biệt là Nghị quyết số 80 - NQ/TW. Phương pháp so sánh lý luận được sử dụng nhằm đặt vấn đề chủ quyền văn hóa số của Việt Nam trong bối cảnh xu hướng quản trị nền tảng và chủ quyền số trên thế giới.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Nội hàm chủ quyền văn hóa số trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết số 80 - NQ/TW

Trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa truyền thông, việc xác lập và bảo vệ chủ quyền văn hóa ngày càng gắn chặt với năng lực quản trị không gian mạng và hệ sinh

thái nền tảng số. Mặc dù Nghị quyết số 80 - NQ/TW không trực tiếp sử dụng khái niệm “chủ quyền văn hóa số”, nhưng nhiều quan điểm và định hướng của Nghị quyết đã hàm chứa yêu cầu nâng cao năng lực tự chủ văn hóa trong môi trường số.

Nghị quyết số 80 nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; phát huy sức mạnh mềm văn hóa; bảo đảm an ninh văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng (Bộ Chính trị, 2026). Những định hướng này cho thấy việc bảo vệ bản sắc văn hóa không chỉ diễn ra trong không gian xã hội truyền thống mà còn phải mở rộng sang môi trường truyền thông số và các nền tảng xuyên biên giới.

Trên cơ sở vận dụng lý thuyết quyền lực mềm (Nye, 2004) và lý thuyết xã hội mạng (Castells, 2010), nghiên cứu xác định chủ quyền văn hóa số bao gồm bốn chiều cạnh cơ bản.

Thứ nhất, chủ quyền thể chế

Chủ quyền thể chế thể hiện ở khả năng của Nhà nước trong việc xây dựng và thực thi các chính sách quản lý không gian văn hóa số. Trong bối cảnh nền tảng truyền thông xuyên biên giới ngày càng chi phối hoạt động truyền thông, việc hoàn thiện khung pháp lý về dữ liệu, nội dung số và trách nhiệm nền tảng trở thành điều kiện quan trọng để bảo đảm định hướng phát triển văn hóa quốc gia.

Nghị quyết số 80 nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế và chính sách phát triển văn hóa phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số, đồng thời tăng cường năng lực quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hóa trong môi trường mạng (Bộ Chính trị, 2026). Điều này cho thấy chủ quyền văn hóa số trước hết là vấn đề năng lực thể chế và năng lực quản trị của quốc gia.

Thứ hai, chủ quyền dữ liệu văn hóa

Trong xã hội mạng, dữ liệu truyền thông và dữ liệu người dùng trở thành nguồn lực chiến lược quyết định khả năng phân phối nội dung và định hình thị hiếu xã hội. Theo Castells (2010), quyền lực trong xã hội mạng gắn liền với khả năng kiểm soát các dòng chảy thông tin trong mạng lưới truyền thông.

Trong bối cảnh đó, chủ quyền dữ liệu trở thành một thành tố quan trọng của chủ quyền văn hóa số. Nếu dữ liệu về hành vi tiêu dùng văn hóa của công chúng chủ yếu nằm trong tay các nền tảng xuyên quốc gia, khả năng định hướng phát triển văn hóa của quốc gia có thể bị suy giảm.

Định hướng phát triển kinh tế số và hạ tầng dữ liệu quốc gia được nhấn mạnh trong nhiều văn kiện của Đảng, trong đó Nghị quyết số 80 đặt ra yêu cầu phát triển các nền

tăng văn hóa số và tăng cường năng lực công nghệ phục vụ phát triển văn hóa (Bộ Chính trị, 2026).

Thứ ba, chủ quyền công nghiệp văn hóa số

Một trong những định hướng quan trọng của Nghị quyết số 80 là phát triển công nghiệp văn hóa trở thành ngành kinh tế quan trọng, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và quảng bá hình ảnh quốc gia. Trong bối cảnh chuyển đổi số, công nghiệp văn hóa ngày càng gắn với sản xuất nội dung số, truyền thông trực tuyến và các nền tảng giải trí toàn cầu.

Theo Nye (2004), văn hóa là nguồn lực quan trọng của sức mạnh mềm quốc gia. Tuy nhiên, sức mạnh mềm chỉ có thể phát huy hiệu quả khi các sản phẩm văn hóa có khả năng tiếp cận công chúng rộng rãi. Trong môi trường số, khả năng này phụ thuộc lớn vào hệ sinh thái nền tảng và năng lực sản xuất nội dung của quốc gia.

Do đó, phát triển công nghiệp văn hóa số và các nền tảng nội dung nội địa không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn góp phần củng cố chủ quyền văn hóa trong không gian mạng.

Thứ tư, chủ quyền diễn ngôn

Trong môi trường truyền thông số, quyền lực văn hóa không chỉ nằm ở việc kiểm soát nội dung mà còn ở khả năng định hình diễn ngôn xã hội. Các nền tảng truyền thông số với cơ chế thuật toán đề xuất nội dung có khả năng tác động mạnh mẽ đến quá trình hình thành dư luận và hệ giá trị xã hội.

Nghị quyết số 80 nhấn mạnh yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh và tăng cường sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam (Bộ Chính trị, 2026). Điều này cho thấy chủ quyền diễn ngôn trở thành một thành tố quan trọng của chủ quyền văn hóa trong kỷ nguyên truyền thông số.

3.2. Thách thức đối với chủ quyền văn hóa số trong cạnh tranh nền tảng xuyên biên giới

Từ góc độ quản trị truyền thông, cạnh tranh giữa các nền tảng xuyên biên giới tạo ra nhiều thách thức đối với không gian văn hóa của các quốc gia đang phát triển.

Thứ nhất, thuật toán nền tảng tái cấu trúc thị hiếu văn hóa

Các nền tảng truyền thông số sử dụng thuật toán để tối ưu hóa tương tác và thời gian sử dụng của người dùng. Cơ chế này thường ưu tiên các nội dung mang tính giải trí cao, cảm xúc mạnh hoặc gây tranh luận, trong khi các nội dung mang giá trị giáo dục và định hướng xã hội có thể ít được ưu tiên hiển thị.

Điều này có thể làm thay đổi cấu trúc thị hiếu văn hóa và ảnh hưởng đến việc lan tỏa các giá trị văn hóa truyền thống.

Thứ hai, sự bất cân xứng quyền lực nền tảng

Các nền tảng công nghệ toàn cầu nắm giữ nguồn lực lớn về dữ liệu, công nghệ và hệ sinh thái truyền thông. Trong khi đó, các nền tảng nội địa thường gặp nhiều hạn chế về nguồn lực và khả năng cạnh tranh.

Sự bất cân xứng này có thể dẫn tới nguy cơ lệ thuộc vào hạ tầng truyền thông nước ngoài và làm suy giảm khả năng tự chủ trong quản trị không gian văn hóa số.

Thứ ba, nguy cơ suy giảm an ninh văn hóa

Trong môi trường truyền thông số mở, các thông tin sai lệch, nội dung độc hại hoặc các diễn ngôn xuyên tạc có thể lan truyền nhanh chóng trên phạm vi toàn cầu. Điều này đặt ra thách thức lớn đối với việc bảo vệ môi trường văn hóa lành mạnh và giữ vững nền tảng tư tưởng của xã hội.

Những thách thức này cho thấy việc thực hiện các mục tiêu phát triển văn hóa được nêu trong Nghị quyết số 80 cần gắn chặt với chiến lược quản trị truyền thông số và quản lý nền tảng xuyên biên giới.

3.3. Hàm ý chính sách từ Nghị quyết số 80 - NQ/TW đối với quản trị không gian văn hóa số

Từ các kết quả phân tích về cấu trúc của chủ quyền văn hóa số và những thách thức đặt ra từ cạnh tranh nền tảng xuyên biên giới, có thể thấy rằng việc bảo vệ và phát triển không gian văn hóa quốc gia trong môi trường số đòi hỏi một cách tiếp cận chính sách toàn diện, kết hợp giữa quản trị công nghệ, phát triển công nghiệp văn hóa và nâng cao năng lực truyền thông chiến lược. Những yêu cầu này có sự tương đồng rõ rệt với các định hướng phát triển văn hóa được xác lập trong Nghị quyết số 80 - NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Trước hết, cần tiếp tục hoàn thiện khung thể chế và chính sách quản trị không gian văn hóa số. Trong bối cảnh các nền tảng truyền thông xuyên biên giới ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc phân phối nội dung và định hình dư luận xã hội, năng lực quản lý nhà nước đối với môi trường truyền thông số trở thành một yếu tố then chốt trong việc bảo đảm an ninh văn hóa. Nghị quyết số 80 nhấn mạnh nhiệm vụ hoàn thiện hệ thống chính sách và pháp luật về văn hóa, bảo đảm sự phù hợp với bối cảnh phát triển mới của khoa học - công nghệ và quá trình chuyển đổi số (Bộ Chính trị, 2026). Điều này cho thấy việc xây dựng các cơ chế pháp lý nhằm quản lý nền tảng số, bảo vệ dữ liệu văn hóa và nâng cao trách nhiệm của các doanh nghiệp công nghệ trong việc kiểm soát nội dung là một yêu cầu quan trọng đối với việc củng cố chủ quyền văn hóa trong môi trường số.

Thứ hai, cần phát triển hệ sinh thái công nghiệp văn

hóa số và nâng cao năng lực sản xuất nội dung văn hóa của quốc gia. Trong môi trường truyền thông số, khả năng lan tỏa của các giá trị văn hóa không chỉ phụ thuộc vào nội dung mà còn phụ thuộc vào năng lực sản xuất và phân phối nội dung trên các nền tảng truyền thông. Nghị quyết số 80 xác định phát triển công nghiệp văn hóa trở thành ngành kinh tế quan trọng, có khả năng tạo ra các sản phẩm văn hóa có giá trị và sức cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế (Bộ Chính trị, 2026). Điều này cho thấy việc đầu tư phát triển các doanh nghiệp sáng tạo nội dung, các nền tảng truyền thông số nội địa và các hệ sinh thái sáng tạo văn hóa có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao năng lực tự chủ của Việt Nam trong không gian văn hóa số.

Thứ ba, cần tăng cường năng lực quản trị dữ liệu và hạ tầng công nghệ phục vụ phát triển văn hóa số. Trong xã hội mạng, dữ liệu người dùng và dữ liệu truyền thông trở thành nguồn lực chiến lược quyết định khả năng phân phối nội dung và định hình thị hiếu xã hội. Theo Castells (2010), quyền lực trong xã hội mạng gắn liền với khả năng kiểm soát các dòng chảy thông tin trong hệ thống mạng lưới truyền thông. Trong bối cảnh đó, việc phát triển hạ tầng dữ liệu quốc gia và các nền tảng công nghệ phục vụ sản xuất và phân phối nội dung văn hóa trở thành điều kiện quan trọng để bảo đảm chủ quyền văn hóa số. Nghị quyết số 80 cũng nhấn mạnh yêu cầu ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển văn hóa trong kỷ nguyên số (Bộ Chính trị, 2026).

Thứ tư, cần nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách và xây dựng chiến lược truyền thông văn hóa trong không gian số. Trong môi trường truyền thông hiện đại, quyền lực văn hóa không chỉ được thể hiện thông qua các thiết chế quản lý mà còn thông qua khả năng định hướng diễn ngôn xã hội và lan tỏa các giá trị văn hóa tích cực. Theo Nye (2004), sức mạnh mềm của một quốc gia phụ thuộc vào khả năng tạo ra sức hấp dẫn văn hóa và khả năng truyền tải các giá trị đó tới công chúng quốc tế. Trong bối cảnh truyền thông số, việc xây dựng chiến lược truyền thông văn hóa có tính hệ thống, tận dụng các nền tảng số để quảng bá hình ảnh quốc gia và lan tỏa các giá trị văn hóa dân tộc có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao vị thế và ảnh hưởng của quốc gia trong môi trường truyền thông toàn cầu.

Cuối cùng, cần chú trọng phát triển nguồn nhân lực và năng lực quản trị văn hóa trong môi trường số. Quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa không chỉ đòi hỏi các giải pháp về công nghệ và chính sách mà còn yêu cầu

đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia truyền thông và những người sáng tạo nội dung có năng lực thích ứng với môi trường truyền thông mới. Nghị quyết 80 nhấn mạnh nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực văn hóa chất lượng cao, có khả năng sáng tạo và thích ứng với sự phát triển của khoa học - công nghệ (Bộ Chính trị, 2026). Điều này cho thấy việc đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhân lực có kiến thức liên ngành về văn hóa, truyền thông và công nghệ số là yếu tố quan trọng để nâng cao năng lực quản trị không gian văn hóa số của quốc gia.

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng việc bảo vệ chủ quyền văn hóa số không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan quản lý văn hóa mà còn là một phần của chiến lược phát triển quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi số. Việc triển khai hiệu quả các định hướng được nêu trong Nghị quyết số 80 - NQ/TW sẽ góp phần xây dựng một không gian văn hóa số lành mạnh, tự chủ và giàu bản sắc, qua đó nâng cao sức mạnh mềm của Việt Nam và củng cố nền tảng tinh thần của xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa truyền thông.

4. Kết luận

Nghiên cứu khẳng định chủ quyền văn hóa số là cấu trúc quyền lực đa tầng trong xã hội mạng, bao gồm thể chế, dữ liệu, công nghiệp văn hóa số và diễn ngôn. Vận dụng lý thuyết quyền lực mềm của Joseph Nye (2004) và lý thuyết xã hội mạng của Manuel Castells (2010), bài viết chỉ ra rằng trong cạnh tranh nền tảng xuyên biên giới, quyền lực văn hóa ngày càng phụ thuộc vào khả năng kiểm soát thuật toán và hạ tầng phân phối nội dung.

Về khoa học, nghiên cứu góp phần hoàn thiện khung lý luận về chủ quyền văn hóa số. Về thực tiễn, kết quả gợi mở yêu cầu chuyển từ “quản lý nội dung” sang “quản trị hệ sinh thái văn hóa số”, phù hợp định hướng của Nghị quyết số 80 - NQ/TW.

Bài viết đề xuất hoàn thiện pháp lý về dữ liệu và trách nhiệm nền tảng; phát triển công nghiệp văn hóa số nội địa; tăng cường truyền thông chính sách và năng lực quản trị thuật toán. Chủ động kiến tạo không gian văn hóa số tự chủ là điều kiện quan trọng để phát huy sức mạnh mềm quốc gia trong kỷ nguyên số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị. (2026). *Nghị quyết số 80 - NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên mới*. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Manuel Castells. (2010). *The rise of the network society* (2nd ed.). Wiley-Blackwell, p. 3-45.
3. Joseph S. Nye Jr.. (2004). *Soft power: The means to success in world politics*. PublicAffairs, p. 5-11.